

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
2. Ông Trần Văn Phùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 338/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Bé T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Trên cơ sở mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu quen biết nhau, chị và anh Lê Văn Bé T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện M, vào ngày 13/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng, sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu và xúc phạm đến người lớn dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh T

không chịu sửa chữa. Nay chị xin được ly hôn với anh T. Chị đã cho anh T thời gian để anh T sửa đổi, nếu anh T sửa đổi thì chị sẽ rút đơn ly hôn nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Về con chung: Không có.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Lê Văn Bé T trình bày:

Anh thống nhất phần trình bày của chị U về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống cũng như nguyên nhân mất hạnh phúc. Anh thừa nhận là anh có nhậu nhẹt làm vợ bất mãn dẫn đến cự cãi mất hạnh phúc nhưng do vợ chồng mỗi người sống một nơi, anh buồn anh mới nhậu. Trong thời gian chị U cho anh sửa đổi anh có đến ở nhà chị U liên tục được vài ngày rồi lại về nhà của mình để ở nên làm cho chị U giận. Nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh và chị U không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị U và anh Lê Văn Bé T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng, sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, chị U đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh không chịu sửa chữa nên chị U xin được ly hôn với anh T. Theo anh T lý do dẫn đến việc anh T nhậu nhẹt chủ yếu do vợ chồng mỗi người sống một nơi khiến cho anh T buồn. Anh xin chị U cho anh cơ hội để sửa đổi, anh hứa sẽ không nhậu nữa và về nhà cùng ở với vợ. Nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian chị U cho anh T sửa đổi thì anh T vẫn không thay đổi, anh T có đến ở nhà chị U liên tục được vài ngày rồi lại về nhà của mình. Tại phiên tòa, chị U cương quyết xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: trong thời gian chung sống anh chị không có con chung nên không đề cập.

[4] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống chị U và anh T không có tài sản chung và không có nợ ai nên không đề cập.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị U.

Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Lê Văn Bé T.

2. *Về nuôi con chung*: trong thời gian chung sống anh T và chị U không có con chung nên không đề cập.

3. *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống chị U và anh T không có tài sản chung và không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T2(20, 13/3/2015)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA